TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2020/DSPT Ngày: 25/02/2020 *V/v "Tranh chấp hợp đồng hợp tác"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Tấn Hoàng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và bà Vũ Ngọc Hà.

- ***Thư ký Tòa án:*** Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DSST ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐH có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2020/QĐPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Anh Huỳnh Dương C, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Phú L, thành phố T, Phú Yên.Có mặt

2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Minh Nh, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Th, huyện ĐH, Phú Yên; Có mặt

3. Người làm chứng:

- Anh Huỳnh Đức Minh V, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Phú L, thành phố T, Phú Yên.Vắng mặt

- Anh Lê Hoàng Ngh, sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Phú L, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt

- Anh Dương Hồng H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Phú L, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Đặng Cao Th, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Phú L, thành phố T, Phú Yên.Vắng mặt

- Anh Bùi Ngọc C1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Lộc Đ, Hòa Th, ĐH, Phú Yên. Có mặt

- Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Phú L, thành phố T, Phú Yên.Vắng mặt

- Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Lộc Đông, Hòa Th, ĐH, Phú Yên.Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Bị đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Dương C trình bày: Tháng 12/2017 anh và Nguyễn Minh Nh thỏa thuận bằng miệng cùng nhau hùn vốn bắt điện công trình, ban đầu anh Nh không có tiền nên anh là người đầu tư. Sau đó, anh Nh có đưa ra một số vốn nhưng ít hơn anh, công việc của hai bên khi làm chung được phân công cụ thể là anh chịu trách nhiệm trực tiếp thi công, thuê nhân công và trả tiền cho họ, anh Nh chịu trách nhiệm nhận công trình, tính toán tiền bạc với công ty. Hai bên cùng làm chung đến khoảng tháng 8/2018 thì không làm nữa. Ngày 10/9/2018 anh và anh Nh gặp nhau để tính toán chốt sổ sách, hai bên còn nợ của công nhân là 59.360.000đ, lúc này anh Nh nói công ty còn nợ hơn 60.000.000đ, tương đương số tiền nợ nhân công nên 2 bên thống nhất anh Nh chịu trách nhiệm nhận tiền từ công ty để trả nợ cho công nhân, đồng thời anh Nh còn nợ lại anh 75.000.000đ nên anh viết giấy anh Nh nợ của anh 75.000.000đ và anh Nh ký. Thời gian sau anh Nh nói với anh là đã nhận được tiền của công ty và ngày 17/10/2018 anh Nh chuyển vào tài khoản cho anh 52.000.000đ để anh trả nợ cho nhân công, anh đã dùng số tiền này và thêm tiền để trả cho nhân công với số tiền 53.060.000đ, riêng số tiền nợ 75.000.000đ anh đã đòi nhiều lần nhưng anh Nh không trả, nên yêu cầu tòa buộc anh Nh phải trả và không yêu cầu tính lãi..

Bị đơn anh Nguyễn Minh Nh trình bày: Giữa anh và anh C có thỏa thuận hùn vốn bắt điện công trình như lời anh C khai, hai bên chốt sổ sách là nợ của công nhân 59.360.000đ, mỗi người là 29.680.000đ. Sau khi tính toán tiền nợ nhân công và các khoản khác thì anh còn nợ anh C 75.000.000đ, trong số tiền 75.000.000đ có khoản nợ nhân công là 29.680.000đ. Ngày 17/10/2018, anh Nh đã chuyển khoản trả cho anh C 52.000.000đ, nên anh chỉ chấp nhận trả cho anh C 23.000.000đ và xin trả dần vì hiện tại khó khăn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 07/10/2019 của Toà án nhân dân huyện ĐH đã quyết định:

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 469, 504, 506, 512 Bộ luật dân sự; Điều 9, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Dương C; buộc anh Nguyễn Minh Nh phải trả cho anh C số tiền 75.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/10/2019, Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào khoảng tháng 12/2017 giữa anh C và anh Nh hùn vốn bắt điện công trình, đến ngày 10/9/2018 hai bên chốt sổ sách không làm ăn chung nữa và anh Nh nợ tiền của anh C nên anh Nh đã ký giấy nhận nợ anh C 75.000.000đ. Ngày 17/10/2018 anh Nh chuyển trả cho anh C 52.000.000đ qua tài khoản của anh C, nhưng anh C cho rằng đây là tiền anh Nh gửi cho anh để trả tiền cho nhân công. Nhưng trong giấy nhận nợ chỉ chốt anh Nh nợ anh C 75.000.000đ không thể hiện nội dung nào nói đến khoản nợ nhân công. Sau khi chốt sổ nợ anh Nh đã chuyển khoản cho anh C 52.000.000đ và anh C đã nhận tiền qua tài khoản, nên anh Nh chỉ phải trả cho anh C 23.000.000đ là có cơ sở, nên cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh Nh – Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Điều 469, 504, 506, 512 Bộ luật dân sự; Điều 9, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Huỳnh Dương C theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019. Buộc anh Nguyễn Minh Nh phải trả cho anh Huỳnh Dương C 23.000.000đ về khoản tranh chấp hợp đồng hợp tác; Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Dương C đòi anh Nguyễn Minh Nh phải trả 52.000.000đ vì không có căn cứ pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì phải trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Minh Nh phải chịu 1.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSPT ở biên lai thu tiền số 14196 ngày 16/10/2019 tại chi cục THA huyện ĐH nên còn phải nộp 850.000đ.

Anh Huỳnh Dương C phải chịu 2.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đã nộp 1.875.000đ ở biên lai thu tiền số 0013779 ngày 11/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, nên còn phải nộp 725.000đ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện ĐH (2);
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- P.KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Hoàng